TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa; Bà Nguyễn Thị Liệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 438/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2018 về việc "tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa 84/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NGUYỄN THỊ HỒNG N - sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 32, khu dân cư 2, ấp Hòa Trung, xã N, huyện Q, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh TRẦN DUY P - sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Hòa Trung, xã N, huyện Q, tỉnh Đ.

(Chị N có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2018, bản tự khai ngày 31/8/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày*:**

Chị và anh Trần Duy P tự nguyện tìm hiểu nhau, phát sinh tình cảm nên đi Đ ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2014 ngày 08/10/2014.

Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc được 01 năm đầu và đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do anh P đam mê cờ bạc và khi chị góp ý thì anh P lại có hành vi bạo lực gia đình với chị nên vợ chồng chị thường xuyên gây gổ, cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Từ tháng 05/2018, chị và anh P đã quyết định sống ly thân nhau và không ai còn quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với anh Trần Duy P.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Nhật Hải Đ – sinh ngày 30/12/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Trần Duy P: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý số 438/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2018 cho anh P theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Duy P không có ý kiến trả lời. Tòa án đã triệu tập anh đến Tòa án để làm việc, để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không chấp hành triệu tập của Tòa án.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị N và anh P không còn tôn trọng, chăm sóc nhau, bản thân anh P cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Qua chứng cứ thu thập được thì chị N có đủ điều kiện nuôi con chung nên đề nghị giao cháu Trần Nhật Hải Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P. Chị N phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Duy P cư trú tại ấp Hòa Trung, xã N, huyện Q, tỉnh Đ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Q có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Duy P nên chị N là nguyên đơn, anh P là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Trần Duy P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Duy P tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Qua kết quả xác minh của Tòa án tại đại P thể hiện: cuộc sống vợ chồng giữa chị N, anh P đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng (BL 46, 47, 48). Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống chung với nhau***". Tuy nhiên, kể từ tháng 05/2018 đến nay, chị N và anh P không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Tòa án đã nhiều lần mời chị N và anh P đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng anh P không chấp hành; điều đó thể hiện anh P không còn mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn với anh P là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trần Duy P là cháu Trần Nhật Hải Đ – sinh ngày 30/12/2014; cháu đang sống chung với chị N.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị N là người có đạo đức, nhân cách tốt; có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (BL 26 đến 30). Từ khi vợ chồng chị N mâu thuẫn phải sống ly thân thì chị N chăm sóc con chu đáo (BL 46). Những sự việc này đều có xác nhận của Trưởng ấp Hòa Trung, xã N, huyện Q, tỉnh Đ - nơi chị N cư trú, nên có cơ sở tin cậy rằng nếu tiếp tục giao các con chung cho chị N thì các cháu Đ sẽ tiếp tục được chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Do đó, để tránh xáo trộn đời sống của các cháu Đ và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung anh P, chị N có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N và bị đơn anh Trần Duy P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật Hải Đ – sinh ngày 30/12/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Duy P do chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu.

Anh P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh P và chị N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 005695 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa